

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ MỚI  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 171/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 14-5-2021  
V/v tranh chấp về “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thi

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trương Phước Công;

2. Bà Hoàng Thị Thiện Lai;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Thảo, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang:** Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 14 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 216/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 249/2021/QĐXX-ST ngày 29 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Kim T, sinh năm 1986; nơi cư trú: ấp R, xã T, thị xã H, tỉnh Kiên Giang; có mặt

2. *Bị đơn:* Ông Trần Huỳnh K, sinh năm 1980; nơi cư trú: ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; xin xét xử vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Lê Kim T trình bày:* Bà và ông Trần Huỳnh K tự nguyện chung sống với nhau năm 2006, hôn nhân do hai bên tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND xã M, huyện C, tỉnh An Giang. Trong quá trình chung sống, bà và ông K sống hạnh phúc được 11 năm thì phát sinh mâu thuẫn

trầm trọng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, không có tiếng nói chung. Bà và ông K ly thân từ năm 2017 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay bà xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Trần Huỳnh K.

Về con chung: Vợ chồng có 01 (một) con chung tên Trần Lê Gia H, sinh ngày 13/2/2012. Hiện cháu H do ông K chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ông Trần Huỳnh K trình bày: Ông và bà T sống chung với nhau năm 2006, hôn nhân do hai bên tự tìm hiểu, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 11 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp. Ông và bà T ly thân từ năm 2017 đến nay, ai cũng có cuộc sống riêng, không quan tâm, chăm sóc nhau. Nay bà T yêu cầu ly hôn với ông, ông đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 (một) con chung tên Trần Lê Gia H, sinh ngày 13/2/2012. Hiện cháu H do ông chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, ông yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến về các yêu cầu đã trình bày nhưng về con chung bà T đồng ý để ông K tiếp tục, chăm sóc nuôi dưỡng con chung, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn, ông Trần Huỳnh K có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

*\* Về tố tụng:*

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do ông Trần Huỳnh K đang cư trú tại xã M, huyện C, tỉnh An Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Bà Lê Kim T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Huỳnh K, yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật

tổ tụng dân sự, Tòa án thụ lý quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[3]. Về tư cách, sự vắng mặt của đương sự: Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng xác định nguyên đơn bà Lê Kim T, bị đơn ông Trần Huỳnh K.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Huỳnh K có bản tự khai trình bày ý kiến và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

*\* Về nội dung:*

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông K tự nguyện sống chung với nhau năm 2006, đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 24/2012, quyển số 01 ngày 13/02/2012 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho bà T, ông K. Vì vậy, hôn nhân giữa bà T và ông K là hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống, bà T và ông K bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, không có tiếng nói chung, không quan tâm chăm sóc, lẫn nhau, bà và ông K không còn sống chung từ năm 2017 đến nay. Bà T yêu cầu ly hôn, ông K đồng ý ly hôn, nhưng ông K không đến Tòa án để tham gia hòa giải nên không lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Kim T.

[5]. Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 (một) con chung tên Trần Lê Gia H, sinh ngày 13/2/2012. Hiện cháu H do ông K chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tại phiên tòa bà T thay đổi yêu cầu bà đồng ý để ông K chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, bà không cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Hiện nay, cháu H đã sống ổn định với ông K, biên bản ghi nhận nguyện vọng của con chưa thành niên ngày 28/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, cháu H cũng có nguyện vọng sống với cha. Ông K yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H, bà T đồng ý để ông K chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của ông K là được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H.

[6]. Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông K không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết

[8]. Về nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[9]. Từ những cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[10]. Về án phí: Bà Lê Kim T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

*Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Kim T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 24/2012, quyển số 01 ngày 13/02/2012 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho bà Lê Kim T, ông Trần Huỳnh K không còn giá trị pháp lý.

*Về con chung:* Ông Trần Huỳnh K được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 01 (một) con chung tên Trần Lê Gia H, sinh ngày 13/2/2012.

Bà Lê Kim T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Huỳnh K cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Lê Kim T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

*Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

*Về nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

*Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Bà Lê Kim T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0006711 ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Bà T đã nộp đủ.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng ông K vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký tên và đóng dấu)

**Nguyễn Thị Thi**